

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính ngành Giao thông vận tải tỉnh thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh tại Tờ trình số 24/TTr-SGTVT ngày 10 tháng 3 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính ngành Giao thông vận tải tỉnh thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Phụ lục danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải tỉnh căn cứ danh mục thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ các nội dung, quy trình giải quyết, quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn niêm yết công khai theo đúng quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các nội dung có liên quan tại Phụ lục số 10 của Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum và Phụ lục kèm theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt bổ sung và bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC.

CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 24/03/2020 15:17:10



Nguyễn Văn Hòa

DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải tỉnh thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 176/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH: 83 TTHC

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực đăng kiểm: 01 Thủ tục
01	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo
II	Lĩnh vực đường bộ: 67 Thủ tục
1	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia
2	Cấp phù hiệu xe nội bộ
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép
4	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
5	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ
6	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
7	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
8	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động
9	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
10	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
11	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
13	Đăng ký khai thác tuyến
14	Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt
15	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
17	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

18	Cấp phù hiệu xe trung chuyên
19	Cấp mới Giấy phép lái xe
20	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ
21	Cấp Giấy phép xe tập lái
22	Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt
23	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam
24	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
25	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
26	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến
27	Cấp Giấy phép liên vận qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia
28	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
29	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
30	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo
31	Cấp lại Giấy phép lái xe
32	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý
33	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
34	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
35	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
36	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
37	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
38	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
39	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
40	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác
41	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
42	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ
43	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
44	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
45	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

46	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)
47	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển
48	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác
49	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
50	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
51	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
52	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ
53	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia
54	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác
55	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
56	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ
57	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
58	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
59	Xác nhận về việc đề nghị tạm dừng lưu hành đối với xe kinh doanh vận tải thuộc các hợp tác xã, doanh nghiệp vận tải
60	Đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu đối với xe bị tạm giữ phù hiệu, biển hiệu
61	Đề nghị xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã như: nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm nghiệp, và xe ô tô dùng để sát hạch của tổ chức đào tạo dạy nghề lái xe
62	Thông báo giảm số chuyến xe chạy trên tuyến vận tải hành khách cố định
63	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng không thay đổi chủ sở hữu (nơi chuyển đi)
64	Cấp phép thi công nút giao đầu nối tạm có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác
65	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định
66	Cấp lại Giấy phép liên vận qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia (đối với phương tiện vận tải phi thương mại) trong trường hợp hết hạn, hư hỏng hoặc bị mất.
67	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của quốc lộ đang khai thác
III	Lĩnh vực Đường thủy nội địa: 11 Thủ tục
1	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
2	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
5	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
7	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
9	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
11	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
IV	Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng giao thông: 04 Thủ tục (do ngành Xây dựng công bố nhưng Sở Giao thông vận tải thực hiện giải quyết)
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Giao thông vận tải
2	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh
3	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
4	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ (Trung tâm đăng kiểm 82.01.S Kon Tum): 06 TTHC

I	Lĩnh vực đăng kiểm: 06 Thủ tục
1	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo
2	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
3	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng
4	Cấp tem nộp phí sử dụng đường bộ xe cơ giới
5	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ
6	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP HUYỆN: 09 TTHC

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa: 09 Thủ tục
1	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
3	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
5	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
8	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
9	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP XÃ: 09 TTHC

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa: 09 Thủ tục
1	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
2	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
3	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
5	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
8	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
9	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác

Tổng cộng: 107 Thủ tục hành chính